

PHƯƠNG ÁN

**Chi tiết về bồi thường, hỗ trợ Dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT. 769 huyện
thống nhất và Long Thành (đoạn qua xã Bình An)**

1. Thông tin người sử dụng đất:

Họ và tên: Ông (Bà): Trần Quang Quý

Mã số định danh/số căn cước: 075084024210; Ngày cấp: 22/09/2024.

Địa chỉ thường trú: 338/78/30 khu phố 13, P. Long Bình, TP. Đồng Nai.

Số điện thoại: 0937926869

2. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi, tài sản:

Vị trí đất: xã Bình An.

Diện tích đất thu hồi: 154,6 m² (Trong đó, thu hồi trong ranh dự án: 154,6m², người dân đề nghị thu hồi: 0 m²).

Loại đất thu hồi: Đất trồng cây lâu năm (CLN).

2.1. Về nguồn gốc đất:

Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi số 44/2026/ĐT.769 ngày 02/5/2026 của UBND xã Bình An.

Ngày 10/01/2025, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 00005916 cho ông Trần Quang Quý, thửa đất số 104 tờ bản đồ số 33 (nay là tờ bản đồ số 63), diện tích 336,8 m², mục đích sử dụng đất ONT(80,0m²)+CLN.

Theo trích lục bản đồ địa chính do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh khu vực Nhơn Trạch thực hiện ngày 23/12/2025 thì diện tích nằm trong ranh dự án là 154,6 m², diện tích còn lại là 182,2 m²

Hiện ông Trần Quang Quý sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

2.2. Vị trí thửa đất:

Căn cứ Danh sách thửa đất được xác định vị trí số 38/VPĐK.LT-TTLT ngày 28/02/2026 của VPĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Long Thành.

2.3. Về nguồn gốc nhà, công trình, vật kiến trúc:

Theo Biên bản kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất do Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai chi nhánh Long Thành lập ngày 21/04/2026, tại thời điểm kiểm đếm; trên phần diện tích thu hồi hiện có công trình và vật kiến trúc thời điểm tạo lập năm 2025; không tranh chấp.

3. Giá đất và tài sản tính tiền bồi thường:

3.1. Giá đất (nếu có):

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.



Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026.

3.2. Giá nhà ở, công trình vật kiến trúc, cây trồng và các chính sách hỗ trợ khác (nếu có):

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 2/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2026/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai

3.3. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bằng tiền:

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số			Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					PL1	PL2	PL3	BT	HT		
I	Bồi thường về đất									50.786.100	
1	Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 63									50.786.100	
-	Đất trồng cây lâu năm; Vị trí 1 - Phạm vi 1 ; Đường tỉnh 769 từ Ranh xã Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre	m²	154,6	730.000	0,45			100		50.786.100	
II	Nhà, vật kiến trúc									5.330.000	
1	Mái hiên	m²	7,5	720.000				80		4.320.000	
2	Hàng rào lưới B40	m²	10	101.000				100		1.010.000	
III	Cây trồng									12.716.067	
1	Chậu có đường kính 45 cm đến <60 cm	chậu	13	84.200				100		1.094.600	
2	Cây chuối	m2	7	28.000				100		196.000	
3	Cây chè Năm thu hoạch thứ 1 - 5	Cây	1	19.579				100		19.579	
4	Lộc vừng - 20cm < Đk thân ≤ 30cm. đường kính tán > 1.5m. chiều cao > 2.0m	Cây	1	394.000				100		394.000	
5	Sanh cảnh - 50cm < Đk thân ≤ 60cm. đường tính tán > 1.5m. chiều cao > 2.0m	Cây	1	1.405.000				100		1.405.000	
6	Sanh cảnh - Đk thân > 80cm. đường kính tán >	Cây	1	2.716.000				100		2.716.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số			Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					PL1	PL2	PL3	BT	HT		
	1.5m. chiều cao > 2.0m										
7	Cây bơ Năm thu hoạch thứ 1 - 5	Cây	2	1.677.012				100		3.354.024	
8	Cây đu đủ Năm thu hoạch thứ 1	Cây	5	69.467				100		347.335	
9	Cây táo Năm 2	Cây	1	219.373				100		219.373	
10	Cây chôm chôm Năm thu hoạch thứ 1 - 5	Cây	1	2.178.649				100		2.178.649	
11	Cây sori Năm thu hoạch thứ 11 trở đi	Cây	1	541.115				100		541.115	
12	Cây Sapoché. Năm 1	Cây	1	250.392				100		250.392	
CỘNG										68.832.167	
THƯỜNG DI DỜI										0	
TỔNG CỘNG										68.832.167	

Viết bằng chữ: Sáu mươi tám triệu, tám trăm ba mươi hai ngàn, một trăm sáu mươi bảy đồng.

4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

5. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

6. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:

Xác định tại thời điểm chi trả tiền bồi thường trên cơ sở thông tin về nghĩa vụ tài chính do Chi cục thuế cơ sở 5 tỉnh Đồng Nai xác định.

7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư: Không

8. Việc bố trí tái định cư, thời gian và kinh phí tạm cư: Không

Trên đây là phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Trần Quang Quý thuộc dự án Dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT. 769 huyện thống nhất và Long Thành (đoạn qua xã Bình An), thành phố Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- UBND xã Bình An;
- BGĐ TTPTQĐ CNLT;
- Tổ Bồi thường (đ/c Nhật, đ/c Sơn);
- Nhóm nghiệp vụ (đ/c Triều);
- Lưu VT (đ/c Yên)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Mai Ngọc Thắng